

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

SOME SOLUTIONS CONTRIBUTE TO THE IMPROVEMENT OF POLICIES, ENVIRONMENTAL PROTECTION TAX LAW IN THE CONTEXT INTERNATIONAL INTEGRATION

Phạm Hồ Việt Anh

Tóm tắt:

Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Thời gian qua, nhiều chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đã được ban hành, nhất là Luật Thuế bảo vệ môi trường đã góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Để nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đối với môi trường, bài viết sẽ phân tích, đánh giá về pháp luật thuế bảo vệ môi trường của nước ta trong thời gian vừa qua, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Thuế, luật thuế bảo vệ môi trường.

Abstract:

Everyone has the right to live in a healthy environment and has an obligation to protect the environment. Over the past time, many guidelines of the Party, policies and laws of the State on environmental protection have been promulgated, especially the Law on Environmental Protection Tax, which has contributed to generating revenue for the state budget and protecting the environment, ensuring the sustainable development of the country. In order to further improve the responsibilities and obligations of agencies, organizations, communities, households and individuals towards the environment, the article will analyze and evaluate the tax legislation on environmental protection of Vietnam. In recent times, our country has proposed solutions to improve the environmental protection tax policy in the context of international integration.

Keywords: Tax, law on Environmental Taxes.

ThS. Phạm Hồ Việt Anh

Ban Tổ chức Thành ủy Cần Thơ

Email: vietanh.ytct@gmail.com

ĐT: 0907 877 675

Ngày nhận bài: 07/6/2021

Ngày gửi phản biện: 11/6/2021

Ngày chấp nhận đăng: 24/6/2021

1. Đặt vấn đề

Thuế bảo vệ môi trường là công cụ hữu hiệu khuyến khích cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường, đồng thời góp phần tăng thu cho ngân sách Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nhiệm vụ chi cho bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc bảo vệ môi trường đã được ban hành cùng với nhiều cam kết quốc tế có liên quan đến môi trường đã được Việt Nam tham gia như Hiệp định EVFTA, CPTPP...điều này đặt ra yêu cầu cần phải

hoàn thiện chính sách, pháp luật về thuế bảo vệ môi trường một cách tổng thể, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, bao quát các nguồn thu.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật về thuế bảo vệ môi trường nói riêng đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội ở nước ta, bài viết sẽ phân tích, đánh giá về pháp luật thuế bảo vệ môi trường của nước ta trong thời gian vừa qua, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về môi trường và thuế bảo vệ môi trường

Khoản 1, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022) quy định: “Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”.

Kế thừa và phát huy Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên”.

Khái niệm thuế bảo vệ môi trường được ghi nhận tại khoản 1 Điều 2 Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010. Theo đó, thuế bảo vệ môi trường là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là hàng hóa) khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Từ đó, có thể thấy đối tượng, đặc điểm thuế bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối tượng chịu thuế phải là hàng hóa, đồng thời khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường.

Thứ hai, thuế bảo vệ môi trường là loại thuế gián thu.

2.2. Một số quy định của pháp luật về thuế bảo vệ môi trường

Thuế bảo vệ môi trường là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Do đó, đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường là sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường bao gồm 08 nhóm được quy định tại Điều 3, Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010, cụ thể : xăng trừ etanol, than đá, dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC), túi ni lông thuộc diện chịu thuế, thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng. Ngoài 08 nhóm hàng hóa được quy định tại Điều 3, Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010, trường hợp xét thấy cần thiết phải bổ sung đối tượng chịu thuế khác cho phù hợp với từng thời kỳ thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quy định.

Người nộp thuế bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 5 Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010. Theo đó, người nộp thuế bảo vệ môi trường là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của Luật Thuế bảo vệ môi trường.

Căn cứ tính thuế bảo vệ môi trường là số lượng hàng hóa tính thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế bảo vệ môi trường phải nộp bằng số lượng đơn vị hàng hóa chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa. Mức thuế tuyệt đối đối với thuế bảo vệ môi trường là mức thuế được quy định bằng số tiền tính trên một đơn vị hàng hóa chịu thuế, theo đó mức thuế tuyệt đối của 08 nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 1, Điều 8 Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010[1], cụ thể như sau:

STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/1 đơn vị hàng hóa)
I	Xăng, dầu, mỡ nhờn		
1	Xăng, trừ etanol	Lít	1.000-4.000
2	Nhiên liệu bay	Lít	1.000-3.000
3	Dầu diesel	Lít	500-2.000
4	Dầu hỏa	Lít	300-2.000
5	Dầu mazut	Lít	300-2.000
6	Dầu nhờn	Lít	300-2.000
7	Mỡ nhờn	Kg	300-2.000
II	Than đá		
1	Than nâu	Tấn	10.000-30.000
2	Than an-tra-xít (antraxit)	Tấn	20.000-50.000
3	Than mỡ	Tấn	10.000-30.000
4	Than đá khác	Tấn	10.000-30.000
III	Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC)	Kg	1.000-5.000
IV	Túi ni lông thuộc diện chịu thuế	Kg	30.000-50.000
V	Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	500-2.000
VI	Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000-3.000
VII	Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000-3.000
VIII	Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000-3.000

Căn cứ vào Biểu khung thuế quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/7/2020 về sửa đổi, bổ sung tiểu mục 2 mục I biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường. Việc quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hóa chịu thuế phải bảo đảm nguyên tắc mức thuế đối với hàng hóa chịu thuế phù hợp với chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ và mức

thuế đối với hàng hóa chịu thuế được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hóa.

2.3. Thực trạng thu thuế bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian qua

Thuế bảo vệ môi trường đã góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường thông qua việc cơ quan nhà nước sẽ thu thuế vào các hàng hóa khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường. Qua đó, nâng cao ý thức và khuyến khích mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sản xuất và sử dụng các hàng hóa thân thiện với môi trường hơn.

Bảng 1: Tỷ lệ thu thuế bảo vệ môi trường so với thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2012-2020 [7]

Năm	Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	Tổng thu thuế bảo vệ môi trường (tỷ đồng)
2012	754.572	11.160
2013	828.348	11.512
2014	877.697	11.970
2015	997.785	27.020
2016	1.039.000	44.323
2017	1.212.180	45.165
2018	1.319.200	48.804
2019	1.411.300	68.926
2020	1.512.300	67.584

Theo Bảng 1, thu ngân sách nhà nước từ thuế bảo vệ môi trường liên tục tăng từ năm 2012 đến năm 2020, chiếm tỷ trọng khoảng 4,46% tổng thu ngân sách nhà nước. Theo đó, tổng số thu thuế bảo vệ môi trường năm 2012 là 11.160 tỷ đồng đến năm 2020 là 67.584 tỷ đồng, qua đó đã góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Bảng 2: Số liệu thu thuế bảo vệ môi trường đối với các nhóm hàng hóa giai đoạn 2012 - 2016 [8]

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số thu thuế BVMT		11.160	11.512	11.970	27.020	44.323
1	Nhóm hàng sản xuất trong nước	11.160	11.036	8.059	14.260	22.798
1.1	Xăng	5.899	6.210	4.410	7.977	11.702
1.2	Dầu diesel	3.656	3.525	2.421	4.485	8.454
1.3	Dầu hỏa	26	45	11	22	13
1.4	Dầu mazut, dầu nhòn, mỡ nhòn	226	210	186	309	863
1.5	Than đá	516	581	577	794	766
1.6	Dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon	9	0	21	0	0
1.7	Túi ni lông	827	168	71	69	56
1.8	Thuốc diệt cỏ	0	0	0	0	2

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
1.9	Nhiên liệu bay	0	296	362	603	942
2	Nhóm hàng hóa nhập khẩu	0	477	3.911	12.759	21.258
2.1	Xăng	0	274	2.098	6.599	10.279
2.2	Nhiên liệu bay	0	20	235	1.084	2.133
2.3	Dầu diesel	0	180	1.522	4.800	8.273
2.4	Dầu hỏa	0	0	3	4	6
2.5	Dầu mazut, dầu nhớt, mỡ nhớt	0	2	53	272	567
3	Nhóm hàng hóa khác sản xuất trong nước và nhập khẩu	0	0	0	0	267

Theo Bảng 2, thu thuế bảo vệ môi trường từ nhóm xăng, dầu và than đá chiếm tỷ trọng cao nhất, cụ thể đối với nhóm xăng sản xuất trong nước năm 2012 là 5.899 tỷ đồng đến năm 2016 là 11.702 tỷ đồng tăng 5.803 tỷ đồng so với năm 2012. Trong khi đó, thu thuế bảo vệ môi trường từ nhóm hàng túi ni lông năm 2012 là 827 tỷ đồng đến năm 2016 là 56 tỷ đồng, giảm 771 tỷ đồng so với năm 2012.

Luật Thuế bảo vệ môi trường và các văn bản về bảo vệ môi trường được tiếp tục hoàn thiện, qua đó tạo cơ sở pháp lý quan trọng nhằm góp phần quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường và các văn bản về bảo vệ môi trường cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như: phạm vi đối tượng chịu thuế còn hẹp, mức thuế đối với một số hàng hóa chưa tương xứng với mức độ gây ô nhiễm môi trường, hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải bổ sung cơ chế pháp lý cho phù hợp với các cam kết quốc tế, nhất là khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới... Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, do đó cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Thuế bảo vệ môi trường nhằm góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế bảo vệ môi trường

Thứ nhất, tiếp tục tuyên truyền phổ biến Luật Thuế bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế bảo vệ môi trường theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ ba, nghiên cứu điều chỉnh tăng mức thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông nhằm đảm bảo mục tiêu giảm dần việc sử dụng túi ni lông, qua đó góp phần bảo vệ môi trường.

Thứ tư, mở rộng đối tượng hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường vào đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường nhằm góp phần hạn chế hành vi sản xuất và sử dụng những hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường sinh thái. Tuy nhiên, việc lựa chọn thêm hàng hóa khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường để bổ sung vào đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường cần phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.

Thứ năm, thực hiện nghiêm nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, xử lý nghiêm đối với các cơ quan,

tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thuế bảo vệ môi trường.

Thứ bảy, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong công tác thu thuế bảo vệ môi trường.

Thứ tám, chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Quốc Hội, *Luật Thuế bảo vệ môi trường*, Luật số: 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010, 2010.
- [2]. Quốc Hội, *Luật Bảo vệ môi trường*, Luật số: 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014, 2014.
- [3]. Quốc Hội, *Luật Bảo vệ môi trường*, Luật số: 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, 2020.
- [4]. Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường.
- [5]. Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/7/2020 về sửa đổi, bổ sung tiểu mục 2 mục I biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về biểu thuế bảo vệ môi trường
- [6]. Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.
- [7]. Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Địa chỉ: <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/solieungansachnhanuoc>. [truy cập 20/6/2021].
- [8]. Báo cáo của Chính phủ về tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường. Địa chỉ: <https://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/dsduthao/chitietduthao.aspx?id=1310>. [truy cập 20/6/2021].

3. Kết luận

Luật Thuế bảo vệ môi trường góp phần hạn chế việc sản xuất, sử dụng hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường. Để tiếp tục phát huy hiệu quả của sắc thuế bảo vệ môi trường trong thời gian tới, bài viết đã tổng hợp, phân tích các quy định của pháp luật về thuế bảo vệ môi trường, đồng thời đưa ra các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật, qua đó góp phần nâng cao hơn nữa trách nhiệm, nhận thức của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đối với môi trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.